



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Số: *46* /2022/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *18* tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực

hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Điện Biên; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo các CT TW (B/c);
- Các Bộ, ngành: KHĐT, TC, TP, NN và PTNT, LĐTĐ, UBĐT (B/c);
- TT. Tỉnh uỷ, TT.HĐND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Điện Biên; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô



QUY ĐỊNH

**Quản lý, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước
giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ
thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 46 /2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022
của UBND tỉnh Điện Biên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây viết tắt là Dự án).

2. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP) và các Văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo định mức hỗ trợ để thực hiện dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư **dưới 500 triệu đồng** giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính, đầu tư, xây dựng của Nhà nước và theo nội dung hướng dẫn tại Quy định này.

2. Các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì phần vốn ngân sách nhà nước của dự án thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ theo tiến độ thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu phải lập bảng kê chứng từ thanh toán, có nội dung chi, đầy đủ chữ ký (ghi rõ họ và tên), địa chỉ của người nhận tiền và được UBND xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) xác nhận đã chi trả tiền để làm căn cứ tiếp tục thanh toán các lần tiếp theo. Chủ đầu tư và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

4. Các nguồn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền khi dự án hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật, giá trị ngày công lao động hoặc giá trị công trình hoàn thành được hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy trình, thủ tục thanh toán

1. Cơ quan kiểm soát, thanh toán.

Cơ quan Kho bạc nhà nước thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán vốn theo nhiệm vụ được giao.

2. Mở tài khoản.

a) Mở mã dự án: Chủ đầu tư mở mã dự án tại Sở Tài chính.

b) Mở tài khoản:

- Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn.

- Hồ sơ mở tài khoản theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

- Cơ quan Kho bạc nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

3. Trình tự thanh toán.

a) Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng dựa trên kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được UBND cấp xã xác nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

b) Căn cứ hồ sơ dự án đầu tư đảm bảo trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng công trình theo quy định và kết quả nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành được UBND cấp xã xác nhận, Ban Quản lý dự án cấp xã lập hồ sơ gửi cơ quan kiểm soát, thanh toán theo quy định.

4. Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn của dự án.

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án cấp xã gửi hồ sơ pháp lý một lần của dự án (*trừ trường hợp dự án có điều chỉnh, bổ sung*) đến Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình hoặc phê duyệt đầu tư dự án của UBND cấp xã, kèm theo hồ sơ xây dựng công trình.

b) Văn bản của UBND cấp xã giao cho cộng đồng tự thực hiện trong trường hợp nội dung này chưa được quy định trong Quyết định đầu tư dự án của UBND cấp xã.

c) Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện dự án theo định mức giao cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

d) Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban Quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

5. Tạm ứng vốn.

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

b) Hồ sơ tạm ứng (*gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn*):

Để được tạm ứng vốn, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án cấp xã gửi đến Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản các hồ sơ pháp lý sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

6. Thanh toán khối lượng hoàn thành.

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

b) Hồ sơ thanh toán đối với khối lượng công việc hoàn thành thông qua hợp đồng (*gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành*), bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh (Mẫu số 03.c/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

c) Đối với khối lượng công việc hoàn thành thực hiện không thông qua hợp đồng (như một số công việc quản lý dự án do Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự làm và các công việc khác), hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, nội dung công việc.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Chứng từ chuyển tiền (mẫu số 05/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, mẫu số 04.b/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Bảng kê chứng từ thanh toán đối với trường hợp phân bổ trực tiếp cho dự án (Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án cấp xã lập và chịu trách nhiệm).

* Hồ sơ đối với các trường hợp khác.

- Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), hồ sơ thanh toán bao gồm: Dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Mẫu số 03.b/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Hợp đồng và Biên bản bàn giao nhà (đối với trường hợp mua nhà phục vụ di dân, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư).

- Đối với công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng

(đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP).

- Đối với dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT ban hành kèm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP), Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

7. Thời hạn tạm ứng, thanh toán vốn hàng năm và thời hạn kiểm soát, thanh toán vốn của cơ quan kiểm soát thanh toán.

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Điều 5. Quy trình, thủ tục quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm

Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính; Quyết định số 3360/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành Quy định thời hạn thực hiện quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 6. Quy trình, thủ tục quyết toán dự án hoàn thành

1. Các dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Việc lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; Mẫu biểu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thực hiện đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp, giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 lập theo Mẫu số 14/QTDA, Mẫu số 15/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính.

Trường hợp đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người Quyết định đầu tư (đối với UBND cấp xã) không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Chủ đầu tư báo cáo người Quyết định đầu tư có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán. Sau khi có Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của Phòng Tài chính - Kế hoạch, người Quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan

1. Sở Tài chính.

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh trong việc phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn, kiểm tra các Chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước, UBND các huyện, thị xã, thành phố về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

c) Đôn đốc, hướng dẫn cơ quan Tài chính cấp dưới, Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định nếu có vướng mắc, phát sinh.

d) Được quyền yêu cầu cơ quan Kho bạc nhà nước, Chủ đầu tư, phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư phát triển, bao gồm các tài liệu liên quan đến công tác quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư.

đ) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành của nhà nước tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hàng năm và trung hạn cho các dự án và địa phương đảm bảo tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê chuẩn Nghị quyết và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Kiểm tra, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ đầu tư về việc chấp hành chế độ, chính sách quản lý dự án đầu tư xây dựng, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

c) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

3. Kho bạc nhà nước.

a) Tổ chức kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ, quy định của nhà nước và quy định tại Quyết định này.

b) Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định.

c) Có ý kiến bằng văn bản gửi Chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc mà Chủ đầu tư đề nghị trong việc thanh toán vốn.

d) Kho bạc nhà nước kiểm soát thanh toán vốn căn cứ các tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của đơn giá, khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán. Trường hợp phát hiện quyết định của cấp có thẩm quyền trái với quy định hiện hành, Kho bạc nhà nước có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét và nêu rõ ý kiến đề xuất. Nếu quá thời hạn quy định mà không có trả lời hoặc trả lời chưa phù hợp với quy định phải có văn bản báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát, thanh toán vốn.

e) Thường xuyên đôn đốc Chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tạm ứng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

f) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư theo chế độ quy định.

4. UBND cấp huyện, cấp xã.

a) Thực hiện việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các văn bản hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tổ chức tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ quy định của Nhà nước.

c) Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định của mình.

d) Thực hiện chế độ báo cáo và quyết toán vốn đầu tư dự án theo quy định.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch.

a) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định trong công tác quản lý dự án đầu tư; Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp xã khi có văn bản yêu cầu; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, tổ chức thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm đúng quy định. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các Chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước cùng cấp, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công xây dựng về chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm; Hướng dẫn UBND cấp xã, Chủ

đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo niên độ, quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

c) Được quyền yêu cầu kho bạc nhà nước cấp huyện và Chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

6. Chủ đầu tư dự án.

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện và tuân thủ theo định mức, đơn giá, dự toán của các loại công việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

b) Khi có khối lượng đã đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng, tiến hành nghiệm thu kịp thời, lập đầy đủ hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ theo thời gian quy định của hợp đồng. Thực hiện giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định cho cơ quan Kho bạc nhà nước và cơ quan tài chính để phục vụ cho công tác quản lý, thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

d) Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng cho cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn, đảm bảo thu hồi vốn ứng theo quy định.

đ) Thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ kế toán đơn vị Chủ đầu tư và chế độ thông tin báo cáo, quyết toán vốn đầu tư theo niên độ và quyết toán dự án hoàn thành theo quy định hiện hành.

e) Được quyền yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc nhà nước trả lời, giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn.

7. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

a) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công xây dựng báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin làm rõ những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến.

b) Tổng hợp các ý kiến của cộng đồng, các tổ chức, đơn vị có liên quan đề xuất biện pháp giải quyết đối với những vấn đề mà cộng đồng, tổ chức, đơn vị có ý kiến và kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, đồng thời thông báo cho cộng đồng, tổ chức, đơn vị có liên quan biết về quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Thực hiện giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân, giám sát trong quá trình thi công công trình.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng nội dung tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính tổng hợp) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
